

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phao tiêu
bảo hiệu luồng tàu

Gói thầu số: 274/CHCT/XMCP/ĐT/2025

Phát hành ngày: 05/01/2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thái Hưng

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu đề xuất) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phao tiêu báo hiệu luồng tàu.

- Số lượng và số hiệu các hạng mục thuộc gói thầu như sau: tổ chức thành 01 gói thầu, không phân chia gói thầu thành nhiều phần.

2. Nguồn vốn: Chi phí SXKD.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, tiến độ thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp.

- Hạch toán tài chính độc lập.

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu, không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này.

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ yêu cầu (HSYC)

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất: trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc. Việc làm rõ HSYC được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSYC.

- Nội dung làm rõ HSYC không được trái với nội dung của HSYC đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSYC dẫn đến sửa đổi cơ bản HSYC thì việc sửa đổi HSYC thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSYC đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSYC không muộn hơn: tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi Hồ sơ đề xuất (HSDX), Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng/dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng/đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu.
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền).
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh).
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu.
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu.
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng/đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.
7. Các nội dung khác: tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh....

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu

không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là: **tối thiểu 60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định

tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **12.000.000 VND** (Bằng chữ: Mười hai triệu đồng chẵn./.).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDX sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDX đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDX sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSYC. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSYC nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chi dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng/đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 10 giờ 00' ngày 13...tháng 01...năm 2026...

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị

loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 10 giờ 30', ngày 13...tháng 01...năm 2026 tại địa điểm Bên mời thầu trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng/đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trong vòng 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm

đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây

a. Báo cáo đánh giá HSDX.

b. HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu.

c. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng/dự thầu theo đường bưu điện, fax, email và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Viettel.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện biện pháp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Giá trị và nội dung của bảo đảm này theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc bằng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng –

Trưởng phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; SĐT: 0967910666.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng – Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Lan Phương –phuongnl13@viettel.com.vn. Điện thoại: 0349337866.

Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình – Chánh Văn phòng – Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. SĐT: 0965136188.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDX	01 bản gốc	
2	Đơn chào hàng	Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, tiến độ thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao). Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDX	Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDX được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	Thành lập trước năm 2024, được thể hiện trong GPĐKKD. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất một thành viên của liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá/dịch vụ tương tự.	1. Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 03 năm trở lại đây (tính từ thời điểm nhà thầu hoàn thành Hợp đồng đến thời điểm đóng thầu – căn cứ theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hoặc hồ sơ nghiệm thu hoặc Hoá đơn bán hàng của Hợp đồng tương tự): i, Nội dung Hợp đồng tương tự: Hợp đồng có nội dung về sửa chữa, bảo dưỡng phao, phương tiện thủy. ii, Số lượng và giá trị của Hợp đồng tương tự: Tối thiểu 01 hợp đồng. Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) $\geq 432.129.600$ đồng. (Nhà thầu cung cấp bản sao hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, Biên bản nghiệm thu/Biên bản thanh lý hợp đồng để chứng minh. Khi cần thiết Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, xác minh).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2024 tối thiểu là: 925.992.000 (VNĐ). (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 tối thiểu là 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau: - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. - Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2024.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (Tiêu chí Đạt/không đạt)

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí nêu dưới đây đều được đánh giá là “đạt”. HSDX của nhà thầu được đánh giá là “đạt” thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá về giá.

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Không đạt
----	----------	---	-----------

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về tiến độ, địa điểm thực hiện	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Tiến độ và địa điểm thực hiện đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại Mục 2, chương IV của HSYC.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Tiến độ và địa điểm thực hiện không đáp ứng được yêu cầu của HSYC.
2	Yêu cầu kỹ thuật	- Nội dung nêu, kê khai, đề xuất trong HSDX về yêu cầu kỹ thuật đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSYC	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Yêu cầu kỹ thuật không đáp ứng được yêu cầu của HSYC.
3	Yêu cầu về Điều kiện nghiệm thu	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Nghiệm thu, bàn giao dịch vụ đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSYC.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện nghiệm thu, bàn giao dịch vụ không đáp ứng được yêu cầu của HSYC.
4	Điều khoản bảo hành	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện bảo hành đáp ứng được các Yêu cầu nêu tại Mục 5, chương IV của HSYC.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều khoản bảo hành không đáp ứng được yêu cầu của HSYC.
5	Điều kiện thanh toán.	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện thanh toán: Đồng ý với tất cả các nội dung nêu tại Mục 6, chương IV của HSYC.	- Không đồng ý với Điều kiện thanh toán đã nêu tại HSYC hoặc đề xuất Điều kiện thanh toán khác gây bất lợi cho Bên mời thầu.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá (Phương pháp giá thấp nhất).

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất (*HSDX có giá dự thầu/giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDX bao gồm lỗi số học và

các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá dự thầu/chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu

nêu trong HSYC thì HSDX/HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG/ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng/đơn dự thầu*]Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng/dự thầu*]Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng/đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng/đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng/đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng/đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn chào hàng/đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của bên mời

thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng: ___ [*Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [*Ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [*Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

Bên bảo lãnh: ___ [*Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế để thực hiện gói thầu ___ [*Ghi tên gói thầu*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực

ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng:** ___ *[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ *[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ___ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ___ *[Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế để thực hiện gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ *[Ghi đầy đủ tên của nhà*

thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7
TT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật/mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x6)
	Tổng cộng giá trị trước thuế					
	Thuế GTGT					
	Tổng cộng giá trị sau thuế					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục dịch vụ/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT⁽¹⁾

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để, hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi thực hiện

Nội dung khái quát công việc của gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phao tiêu báo hiệu luồng tàu.

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu số 5 tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa/dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

TT	Hạng mục	Mô tả/Yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ	ĐVT	KL
1	2	3	4	5
A	BẢO DƯỠNG PHAO	Thực hiện bảo dưỡng theo quy định chuyên ngành và tuân thủ các Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu hàng hải. Nội dung cụ thể và các bước thực hiện như sau		
1	Bảo dưỡng phao D=1,4m	<ul style="list-style-type: none"> - Trục phao lên ponton, kiểm tra thiết bị, phụ kiện của phao, xích, rùa, vệ sinh đèn hiệu, kiểm tra ánh sáng, chớp; - Sửa chữa những hư hỏng thông thường (nếu có); - Cạo hà, gỡ rỉ, mài, vệ sinh phao; - Sơn chống rỉ, sơn màu và sơn chống hà phần ngập nước; - Thả phao đúng vị trí cũ, đo tọa độ và điều chỉnh các phao sai lệch về đúng vị trí (theo tọa độ thông báo hàng hải). - Yêu cầu về chất lượng công việc: <ul style="list-style-type: none"> + Cạo hà, gỡ rỉ sạch sẽ, rửa phao bằng nước ngọt; + Sơn chống rỉ bằng sơn tàu biển, yêu cầu phủ kín toàn bộ phao báo hiệu thân phao, tiêu thị, đuôi phao, xích phao và phơi khô trước khi chuyển sang sơn màu; + Sơn màu bằng sơn tàu biển, yêu cầu phủ kín thân phao, tiêu thị. Đối với phao hàng hải sơn màu đỏ các phao có số hiệu chẵn, sơn màu xanh lục các phao có số hiệu lẻ, phơi khô phao trước khi chuyển loại sơn; + Sơn chống hà RP3 Hải Phòng (hoặc tương đương), yêu cầu phủ kín 4/5 thân phao (nửa phía dưới phao phần ngập nước). 	Phao	05
2	Bảo dưỡng phao D=2,4m	<ul style="list-style-type: none"> + Sơn màu bằng sơn tàu biển, yêu cầu phủ kín thân phao, tiêu thị. Đối với phao hàng hải sơn màu đỏ các phao có số hiệu chẵn, sơn màu xanh lục các phao có số hiệu lẻ, phơi khô phao trước khi chuyển loại sơn; + Sơn chống hà RP3 Hải Phòng (hoặc tương đương), yêu cầu phủ kín 4/5 thân phao (nửa phía dưới phao phần ngập nước). 	Phao	07

TT	Hạng mục	Mô tả/Yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ	ĐVT	KL
1	2	3	4	5
B	SỬA CHỮA PHAO	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp với công tác bảo dưỡng sau khi trục phao lên ponton, kiểm tra các thiết bị, phụ kiện của phao; - Tiến hành sửa chữa, gò nắn những chỗ móp méo, cong vênh, hàn vá các vị trí bục thủng, thân phao; - Cung cấp vật tư thiết bị, vật liệu phục vụ sửa chữa thép tấm, que hàn, ô xy, khí ga và các vật tư thay thế theo nội dung công việc cụ thể dưới đây, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. 		
I	Sửa chữa phao D=1,4m	Phao luồng hàng hải hình trụ đường kính D = 1,4m		
1	Sửa chữa thay thế đuôi phao	Phao số 10 và 11 luồng hàng hải. Yêu cầu như sau: Đuôi phao ống thép d6.	Phao	02
2	Hàn vá thân phao bục thủng	Phao luồng hàng hải 10, 11 và 12. Yêu cầu như sau: Hàn vá thân phao bị bục thủng thép tấm d5.	Phao	03
II	Sửa chữa phao D=2,4m	Phao luồng hàng hải hình trụ đường kính D = 2,4m		
1	Sửa chữa giá đèn Phao	Phao số 3, 4, 5, 6. Yêu cầu như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Mã chân giá đèn thép tấm d8; - Thanh đứng thép L70x70x7; - Thanh giằng chéo thép L50x50x5; - Vành bảo vệ đèn thép tròn $\Phi 24$; - Cây chống thép tròn; - Bảng ghi số hiệu phao thép tấm d5; - Mã d6; - Mặt giá đế đèn thép tấm d6. 	Phao	04
2	Sửa chữa hàn vá phao D=2,4m	Phao số 3, 4, 5, 6, 8 luồng hàng hải. Yêu cầu như sau: Hàn vá bục thủng thân phao thép tấm d6.	Phao	05
C	THAY XÍCH VÀ PHỤ KIỆN PHAO	Thay xích và phụ kiện phao (theo bản vẽ sơ đồ liên kết phao + rùa neo phao D=1,4m và phao D=2,4m đính kèm)		
1	Cung cấp, thay thế xích quai phao và phụ kiện phao D=1,4m (Bản vẽ đính kèm)	Cung cấp và thay thế bổ sung ma ní phao hàng hải số 9; 10; 11; 12, 13. Yêu cầu như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Xích quai phao $\Phi 28$; - Ma ní thường $\Phi 32$; - Mắt may $\Phi 32$; - Vòng nối xích $\Phi 34$; - Ma ní xoay $\Phi 34$. 	Bộ	05

TT	Hạng mục	Mô tả/Yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ	ĐVT	KL
1	2	3	4	5
2	Cung cấp, thay thế phụ kiện phao D=2,4m (<i>Bản vẽ đính kèm</i>)	Cung cấp, thay thế phụ kiện phao số: 5, 6, 8 luồng hàng hải. Yêu cầu như sau: - Vòng nối xích $\Phi 44$; - Ma ní thường $\Phi 42$.	Bộ	03
3	Cung cấp, thay thế xích phao D=2,4m (<i>Bản vẽ đính kèm</i>)	Thay toàn bộ xích phao 3 và 4. Yêu cầu như sau: - Xích quai phao $\Phi 32$; - Xích phao $\Phi 32$ dài 22m; - Vòng nối xích, con quay $\Phi 44$.	Bộ	02
D	THU HỒI PHAO	Thu hồi và vận chuyển toàn bộ về Nhà máy		
1		Trục toàn bộ phao, xích, rùa tuyến đường dẫn, loại phao D=1,4m lên tàu hoặc ponton (phương tiện của Nhà thầu), vận chuyển toàn bộ phao D=1,4m về cảng nhập Nhà máy (khoảng 10km). Bốc xếp toàn bộ 8 bộ phao D=1,4m từ tàu lên xe chở về xưởng hoặc kho của Nhà máy (phương tiện của Nhà thầu – khoảng 3km).	Phao	08
2		Trục toàn bộ phao, xích, rùa bến sét Hà Chanh, loại phao D=1,4m lên tàu hoặc ponton (phương tiện của Nhà thầu), vận chuyển toàn bộ 2 phao về cảng nhập Nhà máy (khoảng 25km). Bốc xếp toàn bộ 2 bộ từ tàu lên xe chở về xưởng hoặc kho của Nhà máy (phương tiện của Nhà thầu – khoảng 3km).	Phao	02
E	BIỂN BÁO CHỮ P	Biển báo chỉ dẫn nơi neo đậu tàu thuyền bến xuất sét Hà Chanh		
1		Sản xuất biển báo (tôn thép) nơi neo đậu tàu thuyền. 02 cây cột thép $\Phi 0,12-0,13$ m, cao 6,0m để gắn biển chữ P. Yêu cầu: Kích cỡ, màu sơn (<i>theo Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT ngày 17/4/2020. Biểu C4.2</i>).	Bộ	01
2		Sản xuất biển phụ (tôn thép) gắn dưới biển chữ P và ghi 60m mũi tên sang phải	Bộ	01
3		Vận chuyển và lắp đặt biển báo chữ P	Bộ	01
F	BIỂN BÁO	Biển báo cấm tàu thuyền qua lại gắn trên cầu đường dẫn băng tải		

TT	Hạng mục	Mô tả/Yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ	ĐVT	KL
1	2	3	4	5
1		Sản xuất biển báo (tôn thép) cắm tàu thuyền qua lại dưới băng tải. Yêu cầu: Kích cỡ, màu sơn (theo Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT ngày 17/4/2020. Biểu C1.1.1.b).	Bộ	10
2		Vận chuyển và lắp đặt biển báo	Bộ	10
3		Cung cấp, lắp đặt đèn SAT 2.0 ánh sáng màu đỏ liên tục khi trời tối (đèn năng lượng mặt trời)	Cái	06
4		Cải tạo, xử lý ánh sáng đèn Vijalight 218 cho phù hợp (chuyển đổi đèn trên 08 phao đường dẫn từ ánh sáng chớp vàng sang ánh sáng màu đỏ liên tục)	Cái	08

(Nhà thầu tính toán cả các chi phí để thực hiện gói thầu và phân bổ vào chi phí cung cấp hàng hóa/dịch vụ nêu trên và đưa vào Biểu giá chào theo biểu mẫu quy định tại Chương III – Hồ sơ yêu cầu).

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ, địa điểm thực hiện

- Tiến độ thực hiện: trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, tiến độ thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).
- Địa điểm thực hiện công việc: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật

- Thực hiện toàn bộ nội dung công việc đáp ứng các Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 170:2007: “Kết cấu thép - Gia công, lắp ráp và nghiệm thu - Yêu cầu kỹ thuật”.

- Tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN 39:2020/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT ngày 17/04/2020 của Bộ Giao thông vận tải khi thực hiện nội dung công việc yêu cầu.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu và sản phẩm thi công của mình như: xích, ma ní, mắt may, ma ni xoay, tôn, sắt, thép phải mới 100%, sơn các loại và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các chứng chỉ vật liệu làm căn cứ để nghiệm thu công trình.

- Yêu cầu về nhân sự, thiết bị, máy móc thực hiện gói thầu: Nhà thầu cam kết huy động nhân sự, thiết bị, máy móc thi công đáp ứng nhu cầu công việc.

- Bên mời thầu không bố trí chỗ ăn, ở cho cán bộ công nhân viên của Nhà thầu. Chi bố trí mặt bằng tạm tập kết vật tư, máy móc thi công, điểm đầu nối điện, nước.

- Toàn bộ nhân lực, máy móc, vật tư của Nhà thầu tham gia thực hiện dịch vụ khi ra, vào Nhà máy đều phải đăng ký tại các Công của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

- Nhà thầu tự thực hiện việc đăng ký tạm trú/tạm vắng cho nhân lực của Nhà thầu tại địa điểm Nhà thầu tập kết nhân lực.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây: Thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (kể cả đối với công trình, vật tư, máy móc, thiết bị) kể từ ngày triển khai dịch vụ cho đến hết ngày hoàn thành dịch vụ.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho tất cả các hoạt động tại công trường (Nhà máy Xi măng Cẩm Phả).

- Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu những nội dung công việc do Nhà thầu thực hiện gây ảnh hưởng đến công tác vận hành sản xuất của Bên mời thầu.

Mục 4. Yêu cầu về Điều kiện nghiệm thu

Nhà thầu chỉ được nghiệm thu công việc sau khi hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo đúng các yêu cầu kỹ thuật đã nêu tại HSYC, giao nộp đầy đủ Hồ sơ, chứng từ nghiệm thu cho bên mời thầu.

Mục 5. Bảo hành

- Thời gian bảo hành: Bảo hành 12 tháng với các mục C, E1, E2, F1, F3 và bảo hành 06 tháng với các mục A, B kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc.

- Nội dung bảo hành: Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ dịch vụ với thời hạn bảo hành nêu trên kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc. Trong thời gian bảo hành nếu dịch vụ nhà thầu cung cấp có bất kỳ khiếm khuyết nào thì nhà thầu phải thực hiện lại dịch vụ sửa chữa, phục hồi để đảm bảo các thiết bị sau khi bảo hành đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đã nêu tại HSYC.

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải trực tiếp sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác sửa chữa thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó.

- Hình thức bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành được phát hành bởi 01 ngân hàng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Chứng thư có giá trị bằng 10% giá trị nghiệm thu theo Hợp đồng và có hiệu lực tối thiểu 13 tháng với các mục C, E1, E2, F1, F3 và có hiệu lực tối thiểu 07 tháng với các mục A, B kể từ ngày phát hành.

Mục 6. Điều kiện thanh toán: Đồng ý với Điều kiện thanh toán sau:

Thanh toán 100% giá trị thực hiện bằng chuyển khoản trong vòng 120 ngày kể từ ngày hai Bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc và Bên mời thầu nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc.
- Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán.
- Chứng thư bảo lãnh bảo hành theo Hợp đồng.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Một số nội dung chính trong dự thảo Hợp đồng:

1. Phương thức thanh toán: Theo Quy định tại chương IV, HSYC
2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, tiến độ thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:
 - Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - + Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.
 - + Hình thức, giá trị và hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: là thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có giá trị bằng **2%** giá hợp đồng, hiệu lực tối thiểu **80** ngày kể từ ngày mở bảo đảm (Nhà thầu cung cấp mẫu thanh toán bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Ngân hàng mở bảo lãnh chấp thuận hoặc Ngân hàng bảo lãnh phát hành). Trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện Hợp đồng 30 ngày mà có 1 phần công việc hoặc toàn bộ nội dung công việc thực hiện mà bên B chưa có thể thực hiện được (chưa hoàn thành nội dung công việc trong HĐ) thì Nhà thầu có trách nhiệm gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng đến thời điểm mà Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc nêu tại Hợp đồng).
 - Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
5. Bảo hành: Tuân thủ theo điều kiện bảo hành tại Chương IV – Hồ sơ yêu cầu.
6. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi hoàn thiệt hại
 - Nếu Nhà thầu thực hiện dịch vụ không đúng chất lượng đã quy định trong hợp đồng, thì Nhà thầu có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế dịch vụ mới cho phù hợp với hợp đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản xác nhận dịch vụ không đúng yêu cầu, đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần việc/dịch vụ vi phạm chất lượng. Nếu Nhà thầu không thay thế bổ sung dịch vụ hoặc phần dịch vụ thay thế bổ sung vẫn tiếp tục không đáp ứng chất lượng đã quy định trong hợp đồng thì Bên mời thầu có

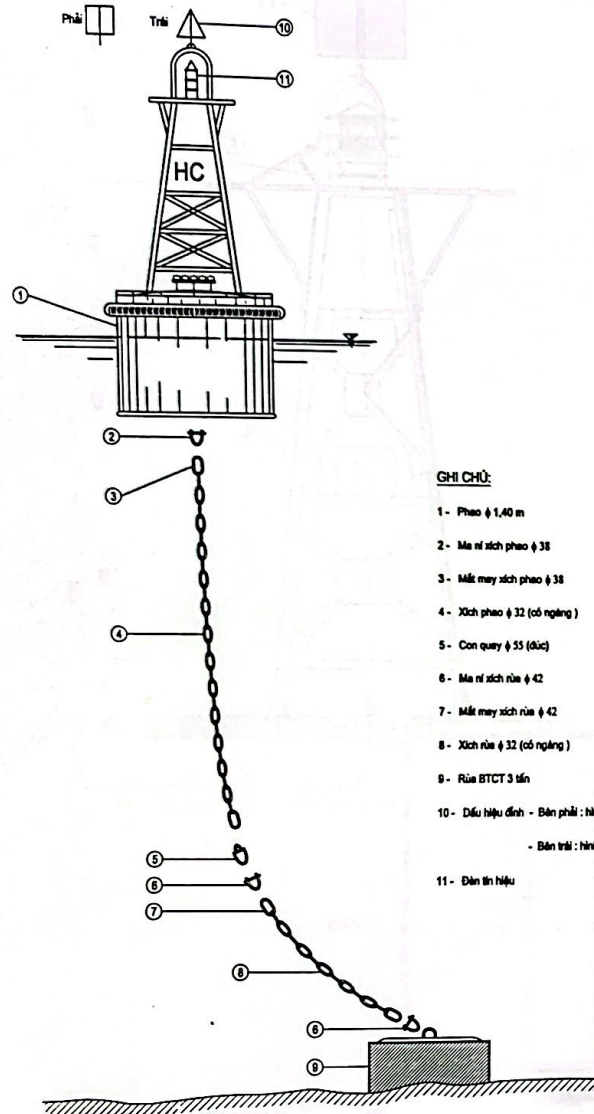
quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng. Mọi trường hợp phạt 8% giá trị hợp đồng, các bên thống nhất hiểu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị Hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

- Nếu Nhà thầu thực hiện dịch vụ chậm so với tiến độ quy định thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 1% giá trị phần việc vi phạm cho mỗi ngày thực hiện chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% giá trị phần việc vi phạm.

- Nếu Nhà thầu thực hiện dịch vụ chậm quá 01 (một) tuần mà không có sự đồng ý của Bên mời thầu, thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt là 8% giá trị hợp đồng. Trường hợp này các bên thống nhất hiểu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

7. Điều kiện thanh toán: Theo Quy định tại chương IV – HSYC.

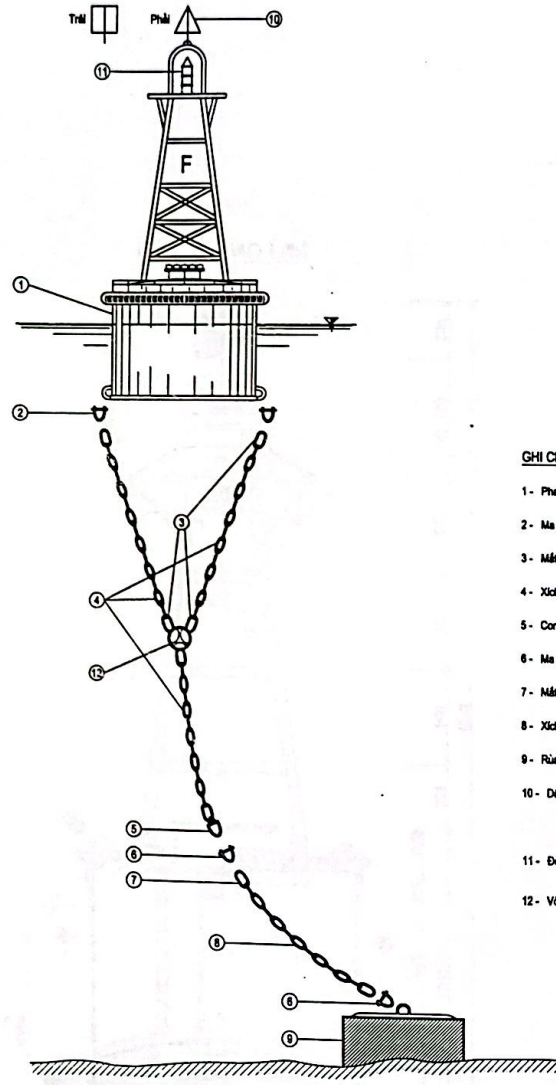
SƠ ĐỒ LIÊN KẾT PHAO XÍCH RỪA - LOẠI ϕ 1,40 m



GHI CHÚ:

- 1 - Phao ϕ 1,40 m
- 2 - Mũ ni xích phao ϕ 38
- 3 - Mối may xích phao ϕ 38
- 4 - Xích phao ϕ 32 (có ngang)
- 5 - Con quay ϕ 55 (đúc)
- 6 - Mũ ni xích rùa ϕ 42
- 7 - Mối may xích rùa ϕ 42
- 8 - Xích rùa ϕ 32 (có ngang)
- 9 - Rùa BTCT 3 tấn
- 10 - Đầu hiệu định - Bên phải : hình trụ
- Bên trái : hình nón
- 11 - Đèn tín hiệu

SƠ ĐỒ LIÊN KẾT PHAO XÍCH RỪA - LOẠI ϕ 2,40 m



GHI CHÚ:

- 1 - Phao ϕ 2,4 m
- 2 - Mũ ni xích phao ϕ 42
- 3 - Mối may xích phao ϕ 42
- 4 - Xích phao ϕ 38 (có ngang)
- 5 - Con quay ϕ 55 (đúc)
- 6 - Mũ ni xích rùa ϕ 46
- 7 - Mối may xích rùa ϕ 46
- 8 - Xích rùa ϕ 40 (có ngang)
- 9 - Rùa BTCT 6 tấn
- 10 - Đầu hiệu định - Bên phải : hình trụ
- Bên trái : hình nón
- 11 - Đèn tín hiệu
- 12 - Vòng nối ϕ 60

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ GTVT,
CÔNG TY TNHH HỒNG THUY
Phó Giám đốc: *Phó. Nguyễn. Hoàng*
Ngày: 16 tháng 5 năm 2007

GHI CHÚ

BẢN VẼ THAM CHIẾU	
TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU



DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ
LƯỜNG TÀU VÀ PHAO TIÊU BẢO HIỆU
THIẾT KẾ KỸ THUẬT

SƠ ĐỒ LIÊN KẾT PHAO
PHAO 1,4M VÀ 2,4M

THỰC HIỆN	BÙI MẠNH CƯỜNG
Kiểm tra	PHAN LƯƠNG HÀ
CHĐA	ĐÀO NGUYỄN QUÝ
CHTT	LE MỸ HANH
TRƯỞNG PHÒNG	NGUYỄN TRỌNG LỘC
KCS	DƯƠNG VĂN PHÚC

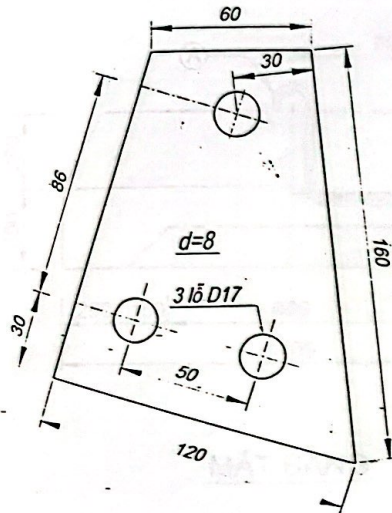
Hồ Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2007
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

Nguyễn Xuân Chiến
NGUYỄN XUÂN CHIẾN

TỶ LỆ NGANG	TỶ LỆ BẰNG	TỶ LỆ DỌC
KÝ HIỆU HỒ SƠ	03-CĐT-001-UP	
BẢN VẼ SỐ:	CT-10	
LẦN XUẤT BẢN THỜ:	1	

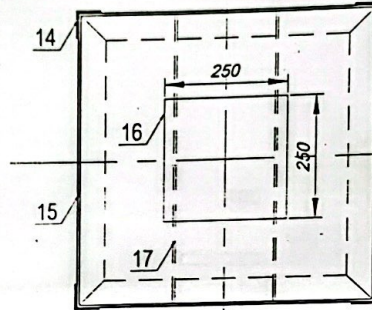
CHI TIẾT V

(tỉ lệ 1:2)



MẶT CẮT B-B

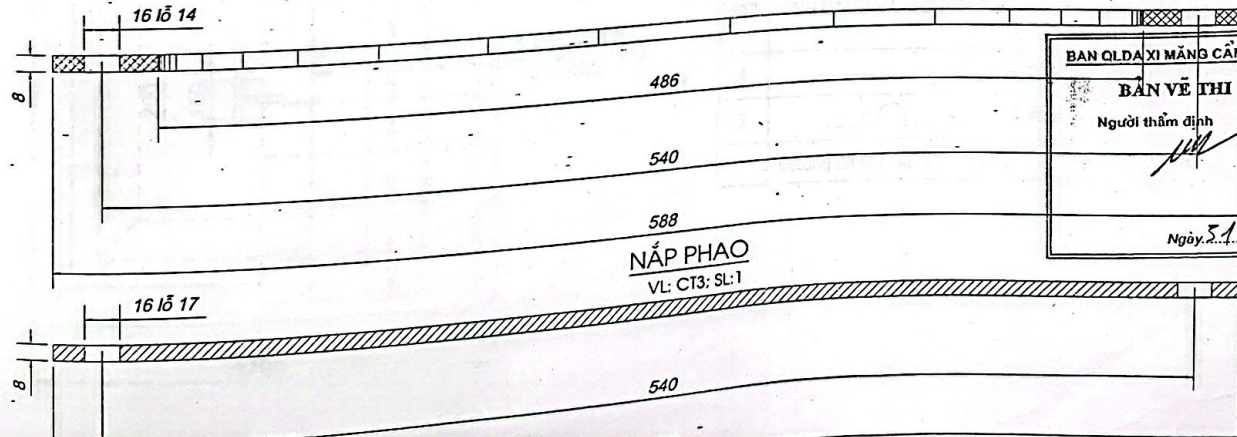
(tỉ lệ 1:10)



CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ GTVT
ĐÃ THẨM TRA
 Người thẩm tra: *Lê Nguyễn Xuân Chiên*
 Chức vụ: *Chủ tịch Hội đồng*
 Chức ký: *Nguyễn Ngọc Long*
 Ngày 20 tháng 5 năm 2007

BẢN VẼ HOẠT CÔNG		NGÀY LẬP: / / 200	
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM	TƯ VẤN GIÁM SÁT	K/ GIÁM ĐỐC CÔNG	TRẦN VĂN HÙNG
BAN QLĐA XI MĂNG CẨM PHẢ	VIỆN T. HOA HỌC	K/ PHÓ GIÁM ĐỐC	TRẦN VĂN HÙNG
CB GIÁM SÁT A	PHÒNG KQ - TC	CÔNG NGHỆ XD	NGƯỜI LẬP
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Lê Thế Doanh	Phạm Xuân Kha	<i>[Signature]</i>	Trần Đức Mĩ

GIOĂNG CAO SU
SL: 1



BAN QLĐA XI MĂNG CẨM PHẢ - TỔNG CÔNG TY VINACONEX
BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Người thẩm định: *[Signature]*
 Người phê duyệt: *[Signature]*
 Ngày 21 tháng 8 năm 2007

GHI CHÚ

- Kích thước ghi trong bản vẽ: mm
- Sau khi chế tạo phải thử kín nước
- Phao được sơn
- + 02 nước sơn minium chống rỉ
- + 02 nước sơn màu theo quy định

BẢN VẼ THAM CHIẾU

TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ GTVT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ GTVT
PHAO D 1400: CÁC CHI TIẾT

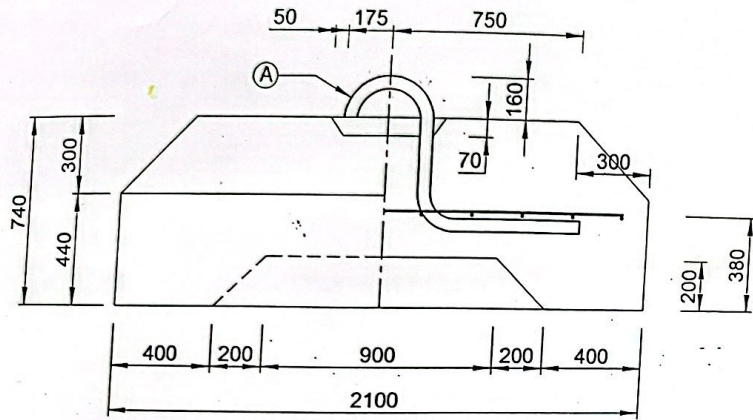
THỰC HIỆN	BÙI MẠNH CƯỜNG	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	PHAN LƯƠNG HÀ	<i>[Signature]</i>
CHỌA	ĐÀO NGUYỄN GIỚI	<i>[Signature]</i>
CHT	LÊ MỸ HẠNH	<i>[Signature]</i>
TRƯỞNG PHÒNG	NGUYỄN TRỌNG LỘC	<i>[Signature]</i>
KCS	DUYỆT VĂN PHÚC	<i>[Signature]</i>

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2007
 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN
[Signature]
 NGUYỄN XUÂN CHIÊN
 TỶ LỆ: 1/1
 KÝ HIỆU SỐ: 03-C01-001-LP

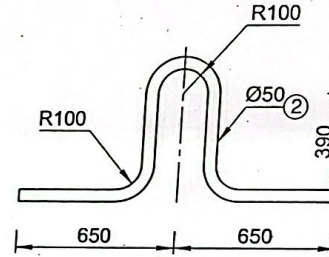
BẢN VẼ CHI TIẾT RỪA NEO 6 TẦNG

GHI CHÚ

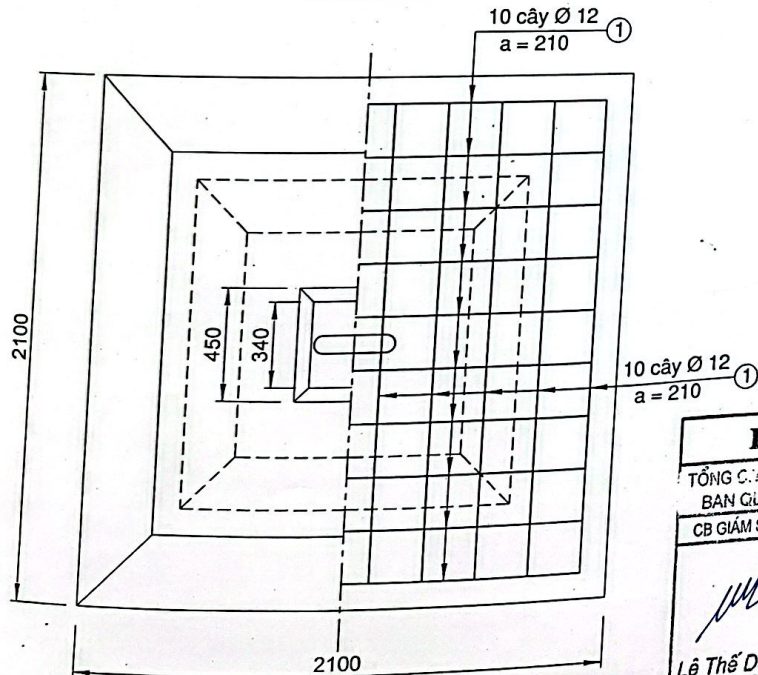
MẶT ĐỨNG



CHI TIẾT A



MẶT BẰNG



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

STT	HÌNH DÁNG VÀ KÍCH THƯỚC	Ø (mm)	SỐ LƯỢNG (thanh)	DÀI 1 THANH (m)	DÀI TỔNG (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)
1		12AII	20	2.1	42	37.38
2		50AI	1	2.4	2.4	36.7
Bê tông đá dăm M250- 2.63m ³						

BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ - TỔNG CÔNG TY VINAC
 BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Người thẩm định: *[Signature]*
 Người phê duyệt: *[Signature]*
 Ngày 31 tháng 8 năm 2007

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
 CÔNG TY CP TVTK XD GIAO THÔNG THỦY
ĐÃ THAM TRA
 Người thẩm tra: *[Signature]*
 Ngày 30 tháng 8 năm 2007

BẢN VẼ THAM CHIẾU	
TÊN BẢN VẼ	KY HỌ

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
 CÔNG TY CP TVTK XD GIAO THÔNG THỦY
 DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ
 LUỒNG TÀU VÀ PHẠO TIÊU BẢO
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHI TIẾT RỪA NEO 6 TẦNG

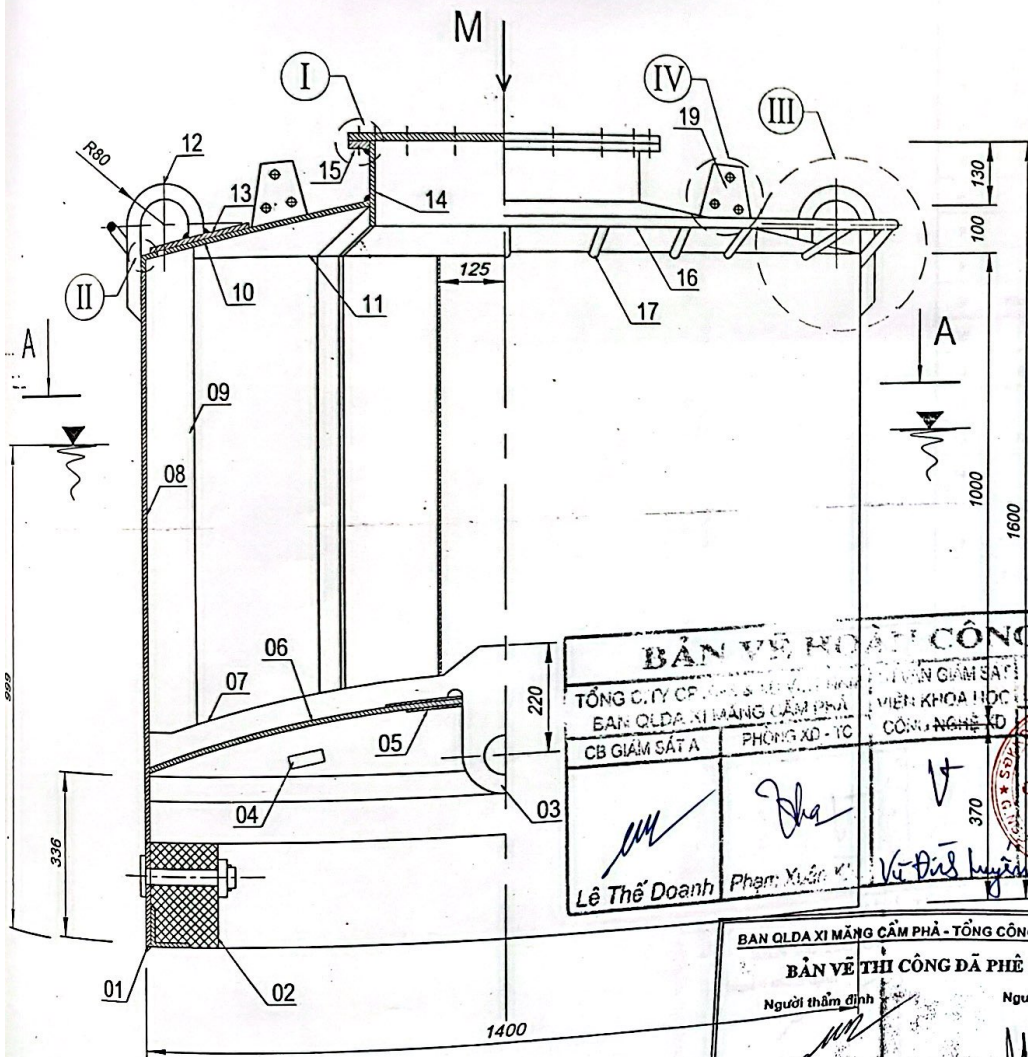
THỰC HIỆN	BÙI MẠNH CƯỜNG	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	PHAN LƯƠNG HÀ	<i>[Signature]</i>
CHỈ DẠY	ĐÀO NGUYỄN QUÝ	<i>[Signature]</i>
CHỈ T	LÊ MỸ HƯỜNG	<i>[Signature]</i>
TRƯỞNG PHÒNG	NGUYỄN TRỌNG LỘC	<i>[Signature]</i>
KCS	DUYNG VĂN PHÚC	<i>[Signature]</i>

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NGÀY LẬP: 2007/08/31
 TỔNG CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
 BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ
 CB GIÁM SÁT A: *[Signature]*
 KỸ GIẢM ĐỌC: *[Signature]*
 PHÓ GIÁM ĐỌC: *[Signature]*
 NGƯỜI LẬP: *[Signature]*
 Lê Thế Doanh, Nguyễn Ngọc Long

PHẠM VĂN ĐỨC
 CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
 CÔNG TY CP TVTK XD GIAO THÔNG THỦY
 CÔNG ĐÀ - TP. HẢI PHÒNG

TITLE: *[Blank]*
 KÝ HIỆU SỐ: 03-CĐT-001-LP
 BẢN VẼ SỐ: P10

KẾT CẤU THÂN PHẠO D 1400
(TỈ LỆ 1:10)



BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU PHẦN THÂN PHẠO

TT	Tên gọi	Vật liệu	Số lượng	Đơn vị	Khối lượng đơn vị	Khối lượng cả bộ (kg)
1	Mã đỡ đối trọng	CT3	1		68	68
2	Đối trọng gang trọng lượng 75KG/khối	gang	10		75	750
3	Quai pháo d=50	CT3	1		6.2	6.2
4	Tấm kẽm chống gỉ	Kẽm	1	bộ		
5	Mã đệm	CT3	1			
6	Tôn dày thùng dày 8mm	CT3	1		64	64
7	Mã gia cường dày 90x50x5	CT3	6		1.76	10.56
8	Tôn vỏ dày 5mm 4400x100x5	CT3	1		172.7	172.7
9	Gia cường vách 1100x100x5	CT3	6		4.35	26.1
10	Tôn mặt dày 5mm	CT3	1		63.5	63.5
11	Gia cường mặt 554x100x5	CT3	6		2.2	13.2
12	Móc cầu D 30 dài 400	CT3	2		2.5	5
13	Mã móc cầu 100x100x5	CT3	2		0.4	0.8
14	Tôn cổ pháo dày 5mm, 1570x120x5	CT3	1		7.5	7.5
15	Miệng pháo	CT3	1		2.7	2.7
16	Vành D20 dài 5090mm	CT3	1		28.4	28.4
17	Tay vành D20 dài 80mm	CT3	20		0.2	4
18	Đệm chân đèn 190x100x5	CT3	2		0.75	1.5
19	Mã chân giá đèn dày 5mm	CT3	2		0.4	0.8

GHI CHÚ

- Kích thước ghi trong bản vẽ: mm
- Sau khi chế tạo phải thử kín nước
- Pháo được sơn
- + 02 nước sơn minium chống rỉ
- + 02 nước sơn màu theo quy định

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
YCPVTXKD GIAO THÔNG THỦY

ĐÃ THAM TRA

tham tra: *Thị Ngọc An*

Ngày: 30 tháng 8 năm 2007

BẢN VẼ HOẠT CÔNG

NGÀY LẬP: /200.....

TỔNG C. TY CP... BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ
CB GIÁM SÁT A: PHONG XD - TC

K/TSIAM ĐỐC CÔNG VIÊN KHOA HỌC ĐƠN VỊ BẢO GIÁM ĐỐC CÔNG TRÌNH VÀ AN SỰ NGHIỆP Đ

LIÊN KẾT BẢNG HÀN LIÊN TỤC HAI PHÍA THEO CHU VI CÁC CHI TIẾT HÀN.

Bảo dưỡng traps là

Lê Thế Doanh Phạm Xuân Vũ Đức Lương Nguyễn Ngọc Long

BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ - TỔNG CÔNG TY VINACONEX

BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT

Người thẩm định: *[Signature]* Người phê duyệt: *[Signature]*

Kiểm tra trước khi hạ thủy.

Ngày 31 tháng 8 năm 2007

3. Kích thước trên bản vẽ là mm

- Sơn chống gỉ : 2 nước
- Sơn chống hà AP : 2 nước
- Sơn chống hà AF : 2 nước
- Sơn mẫu theo quy định : 2 nước

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
CÔNG TY CP TVXD CẢNG - ĐƯỜNG THỦY

DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ
LƯỜNG TÀU VÀ PHẠO TIÊU BẢO HIỆU
THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG

PHẠO D 1400: KẾT CẤU THÙNG PHẠO

THỰC HIỆN: BÙI MINH CƯỜNG
KIỂM TRA: PHAN LUONG HA
CHỌA: ĐÀO NGUYỄN GIỚI
CHIT: LÊ MỸ HẠNH
TRƯỞNG PHÒNG: NGUYỄN TRỌNG LỘC
KCS: NGUYỄN VĂN PHÚC

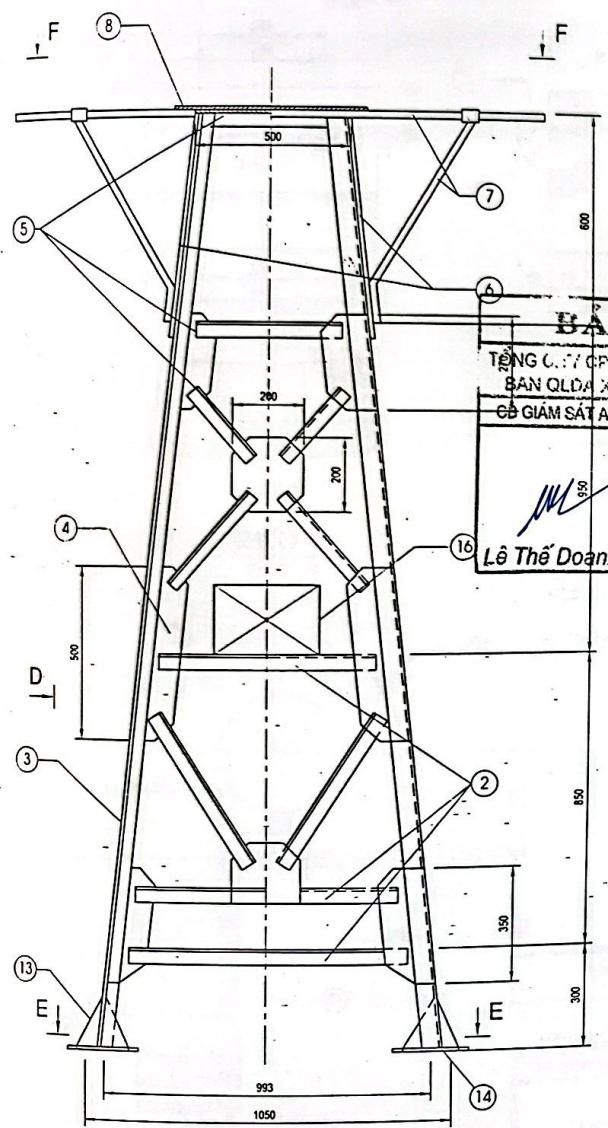
HỒN NÚT NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2007

GIÁM SỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

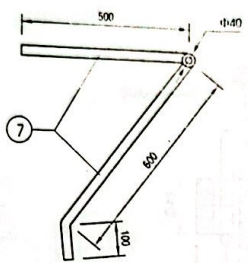
CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
TƯ VẤN XÂY DỰNG
CẢNG - ĐƯỜNG THỦY

TY LỆ: TY LỆ BẢN VẼ
KÝ HIỆU HỒ SƠ: 03-C01-001-LP
BẢN VẼ SỐ: P3
LẦN XUẤT BẢN THỨ 1

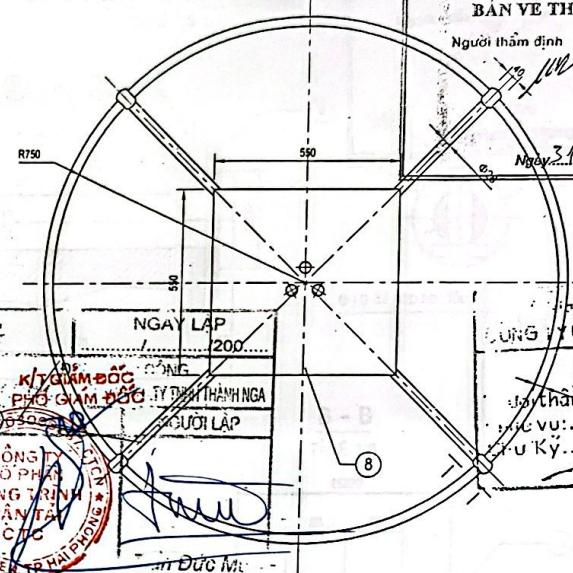
CÂN PHAO



I-I



THEO F



BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ - TỔNG CÔNG TY VINACONEX

BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT

Người thẩm định: *[Signature]*
 Người phê duyệt: *[Signature]*

Ngày: 31 tháng 8 năm 2007

BẢN VẼ HOẠ THẢO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG NGHIỆP
 BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ
 CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH VÀ TƯ VẤN
 CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

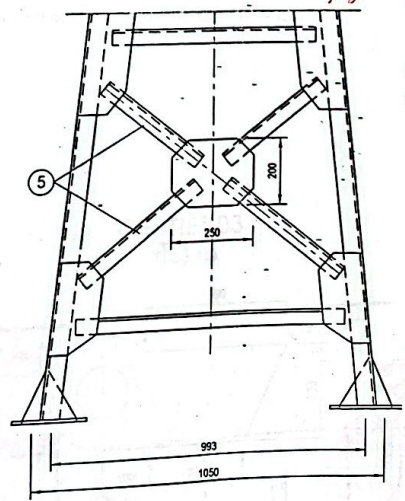
NGÀY LẬP: 2007

PHÓ GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
 QUẢN LÝ: *[Signature]*

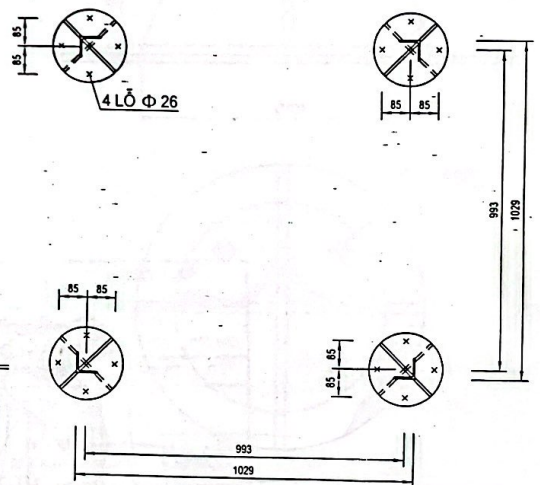
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VÀ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Lê Thế Doanh | Phạm Xuân | Vũ Đình Huyền | Nguyễn Ngọc Long

THEO D



MẶT CẮT E-E



CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
 CÔNG TY CP GTVT KD GIAO THÔNG THU

ĐÃ THẨM TRA

Ngày: 31 tháng 8 năm 2007

BẢN VẼ THAM CHIẾU

TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VÀ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ
 LƯỜNG TÀU VÀ PHAO TIÊU BẢO
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

**KẾT CẤU CÁN PHAO TRỤ
 D = 2.4M**

THỰC HIỆN	BÙI MẠNH CƯỜNG
Kiểm tra	PHAN LƯƠNG HÀ
CHỈ DẪN	ĐÀO NGUYỄN QUÝ
CHT	LÊ NHƯ HẰNG
TRƯỞNG PHÒNG	NGUYỄN TRỌNG LỘC
KCS	DƯƠNG VĂN PHÚC

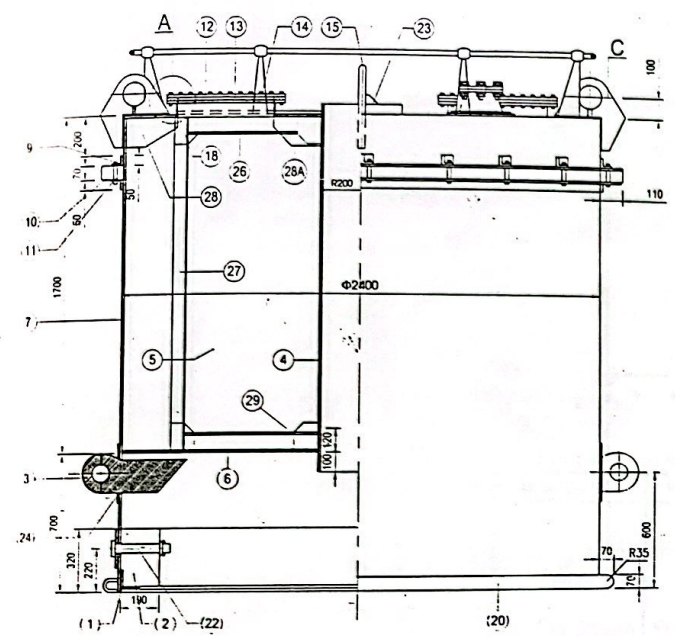
Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2007

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

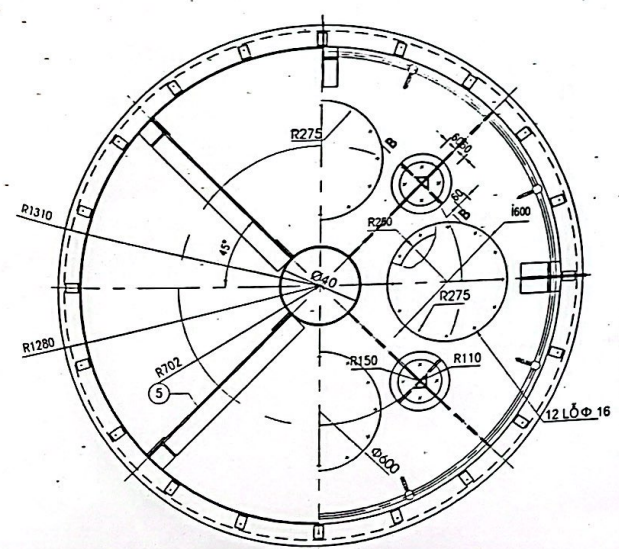
[Signature]
 NGUYỄN XUÂN CHIẾN

TỶ LỆ: 1/50
 KÝ HIỆU HỒ SƠ: 03-CĐT-001-HP
 BẢN VẼ SỐ: P7
 LẦN XUẤT BẢN THỨ: 1

THÂN PHAO D 2,4M



MẶT BẰNG



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÂN PHAO

STT	TÊN GỌI	VẬT LIỆU - QUI CÁCH	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (kg)	
				T. THÀNH	TOÀN BỘ
1	THÉP GIỮ ĐỐI TRONG L=7540	CT3 - L100X10	1	114.61	114.61
2	ĐỐI TRONG GANG	C Ψ 15-32	10	180.00	1800.00
2A	QUAI ĐỐI TRONG	Φ 22-AI - L=350	10	1.04	10.40
3	QUAI PHAO	CT3-550	2	31.60	63.20
4	ỐNG LỖI PHAO Φ 400, L=1900	CT3-510	1	182.74	182.74
5	TỜN VÁCH NGĂN 990X1700	CT3-58	4	105.69	422.77
6	TỜN DÂY PHAO Φ 2400X400	CT3-58	1	276.21	276.21
7	TỜN VỎ 7540X2400	CT3-58	1	136.68	136.68
8	MÁ GIA CƯỜNG LỖ LẤP ĐỐI TRONG	CT3-58	10	1.87	18.70
9	MÁ GIỮ CON CHẠCH L=100	L80X50X6	20	0.59	11.80
9A	THÉP GIỮ CON CHẠCH VA L=7540	L80X50X6	1	44.64	44.64
10	CON CHẠCH CAO SU	110X70X7.650	1		0.06
11	Ế CỤ BU LÔNG M16 X 125	CTS	20		20.00
12	NÁP HẦM PHAO	CT3-58 - Φ600	4	17.58	70.34
13	GIÓANG NÁP HẦM ĐĂNG CAO SU	5-10	4	0.10	0.40
14	Ế CỤ BU LÔNG M16 X 35	CTS	48		48.00
15	QUAI CẦU PHAO	CT3-540	4	21.35	85.41
16	MÁ CHỮ THẬP	CT3-510	8	2.04	16.33
17	BỊCH LẤP CÁN PHAO	CT3-512 - Φ220	4	3.58	14.32
18	BỊCH LẤP CÁN PHAO	CT3-512 - Φ300	4	6.69	26.75
19	MIẾNG HẦM PHAO	L80X50X6, L=1600	4	9.29	37.16
20	CON CHẠCH DƯỚI	CT3-58	1	67.51	67.51
21	TỜN MẶT TRÊN Φ 2400X400	CT3-58	1	276.32	276.32
22	CHỐT GIỮ ĐỐI TRONG Φ 45	Φ45 : L=268	10	3.35	33.50
22A	CHỐT CHÉ L=270MM	Φ10-AI	10	0.31	3.10
22B	LONG ĐEN	DXD=70X46	10	0.24	2.40
23	MÁ GIA CƯỜNG QUAI CẦU PHAO (50X50)2	CT3-58	8	0.16	1.26
24	MÁ GIA CƯỜNG QUAI PHAO 500X200	CT3-58	2	6.28	12.56
25	MÁ QUAI CẦU PHAO 440X110	CT3-58	4	3.04	12.16
26	SƯỜNG NGANG : L=984	CT3-L100X100X10	8	14.96	119.65
27	SƯỜNG ĐỨNG : L=1684	CT3-L100X100X10	4	25.60	102.39
28	MÁ GIA CƯỜNG MIẾNG PHAO 150X310	CT3-58	23	2.99	11.68
28A	MÁ GIA CƯỜNG MIẾNG PHAO 150X180	CT3-58	17	6.78	6.78
28B	MÁ GIA CƯỜNG THANH SƯỜN 150X150	CT3-58	14	22.61	22.61

BẢN VẼ THI CÔNG

TỔNG C. TY CP: BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ

CB GIÁM SÁT A: Phạm Xuân K., Lê Thế Doanh

NGÀY LẬP: 14/01/2007

NGƯỜI LẬP: Nguyễn Ngọc Sơn

CHỖ: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH AN TÀI

BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ - TỔNG CÔNG TY VINACOMEX

BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT

Người thẩm định: [Signature]

Người phê duyệt: [Signature]

Ngày 08 tháng 08 năm 2007

BẢN VẼ THAM CHẾU

TÊN BẢN VẼ: KÝ HIỆU:

CÔNG TY CỔ PHẦN

TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT: KXD GIAO THÔNG TH...

ĐẠI HẠM TRƯA: [Signature]

Ngày 08 tháng 08 năm 2007

DU AN TRUA XI MĂNG CẨM PHẢ

LƯỜNG TÀU VÀ PHAO TIÊU BẢO HIỆU

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

KẾT CẤU THÂN PHAO TRỤ D = 2.4M

THỰC HIỆN	BUI MANH CUONG	[Signature]
KIỂM TRA	PHAN LUONG HA	[Signature]
CHỈ DẠY	ĐÀO NGUYEN QUY	[Signature]
CHỈT	LE MY HANH	[Signature]
TRƯỞNG PHÒNG	NGUYEN TRONG LOCK	[Signature]
KCS	DUONG VAN PHUC	[Signature]

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2007

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ AN

[Signature]

NGUYỄN VĂN CHIẾN

TÝ LỆ: TỶ LỆ BẢN VẼ

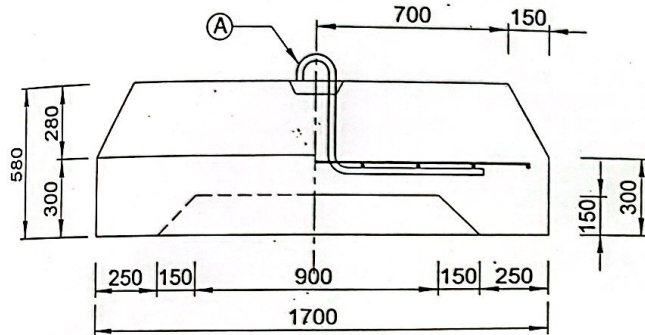
KÝ HIỆU HỒ SƠ: 03-CTD-001-LP

BẢN VẼ SỐ: P6

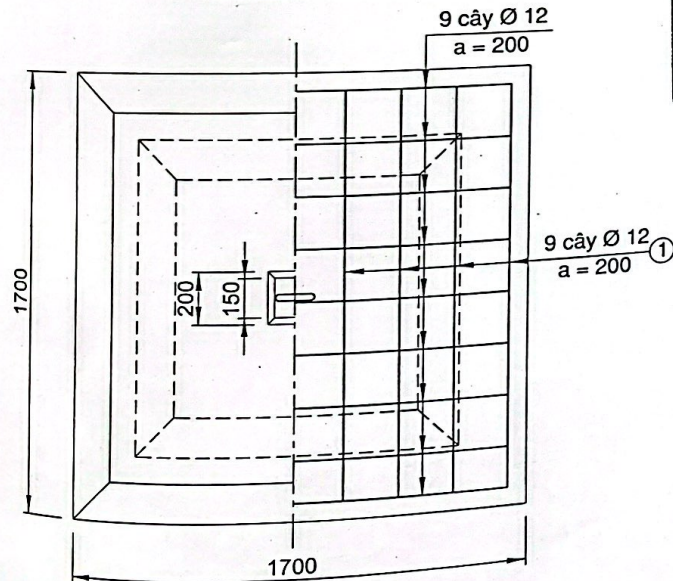
LẦN XUẤT BẢN THỨ: 1

BẢN VẼ CHI TIẾT RỪA NEO 3 TẦNG

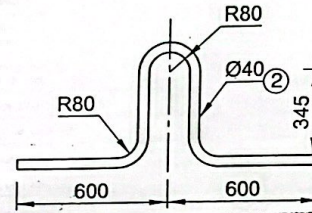
MẶT ĐỨNG



MẶT BẰNG



CHI TIẾT A



BAN QLDA XI MĂNG CẨM PHẢ - TỔNG CÔNG TY VINACONEX

BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT

Người thẩm định: *[Signature]* Người phê duyệt: *[Signature]*

Ngày: 30 tháng 8 năm 2007

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
CÔNG TY TNHH GTVT&XD GIAO THÔNG THỦY

ĐÃ THẨM TRA

Đi thẩm tra: *[Signature]*
Công vụ: *[Signature]*
Ngày lập: Ngày 29 tháng 8 năm 2007

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
CÔNG TY TNHH GTVT&XD GIAO THÔNG THỦY

K/ TIAM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP

Lê Thế Doanh Phạm Xuân Kỳ Vũ Đình Luyện Nguyễn Ngọc Long Đức M.

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

STT	HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC	Ø (mm)	SỐ LƯỢNG (thanh)	DÀI 1 THANH (m)	DÀI TỔNG (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)
1		12AI	18	1.6	28.8	25.38
2		40AI			1.8	17.6
Bê tông đá dăm M250- 1.31m3						

BẢN VẼ THAM CHIẾU	
TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT
CÔNG TY CP GTVT&XD CẢNG - ĐƯỜNG THỦY

DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ
LƯỜNG TÀU VÀ PHẠO TIÊU BẢO HIỆU
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHẠO D 1400: CẤU TẠO RỪA NEO 3T

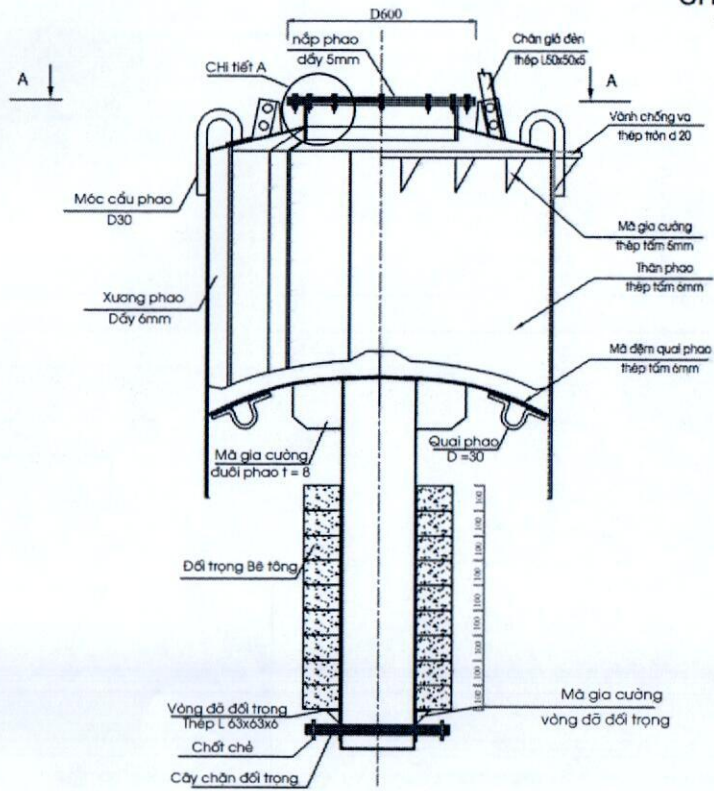
THỰC HIỆN	BÙI MẠNH CHƯỜNG	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra	PHAN LƯƠNG HÀ	<i>[Signature]</i>
CNDA	ĐÀO NGUYỄN QUÝ	<i>[Signature]</i>
CHT	LÊ NHƯ HẠNH	<i>[Signature]</i>
TRƯỞNG PHÒNG LƯU NIÊN TRONG LỘC	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
KH. 03	QUANG VĂN PHÚC	<i>[Signature]</i>

Số nhà: 03/2007/CT
CÔNG TY TNHH GTVT&XD
TƯ VẤN XÂY DỰNG
CẢNG-ĐƯỜNG THỦY

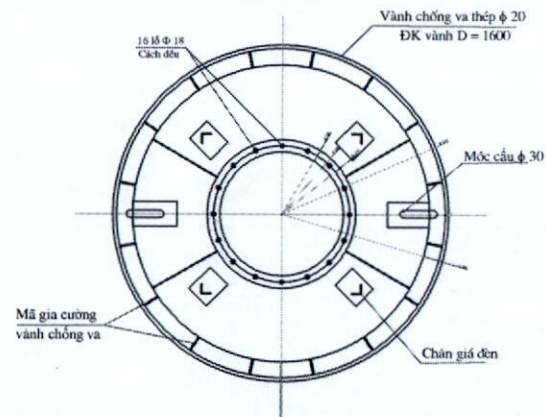
NGUYỄN XUÂN CHIẾN

TÝ LỆ: TÝ LỆ BẢN VẼ
KÝ HIỆU SỐ: 03-CDT-001-IP
BẢN VẼ SỐ: P5

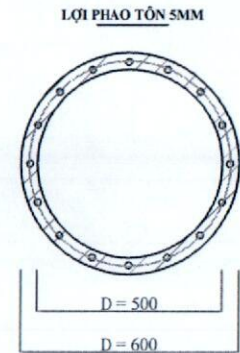
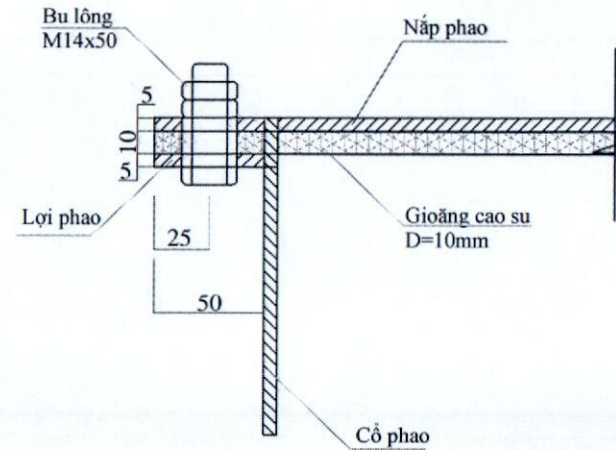
CHI TIẾT CẤU TẠO PHAO D=1,4M



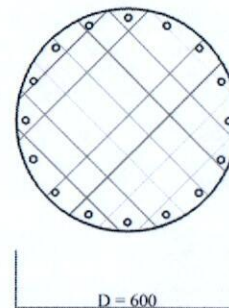
MẶT CẮT A-A



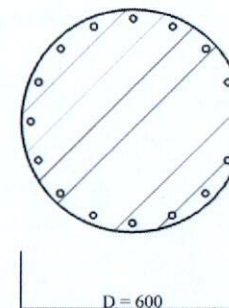
CHI TIẾT A



GIOĂNG CAO SU DÂY 10MM



NẮP PHAO TÔN 5MM



GHI CHÚ:

- * Kích thước bản vẽ ghi là mm.
- * Các liên kết hàn sử dụng que hàn E42 hoặc tương đương chiều cao đường hàn bằng bề dày nhỏ nhất của chi tiết hàn, hàn liên tục hai phía theo chu vi các chi tiết hàn.
- * Tất cả các cấu kiện phải được sơn hai nước chống gỉ và 2 nước sơn màu theo quy định.
- * Kiểm tra phao trước khi hạ thủy.

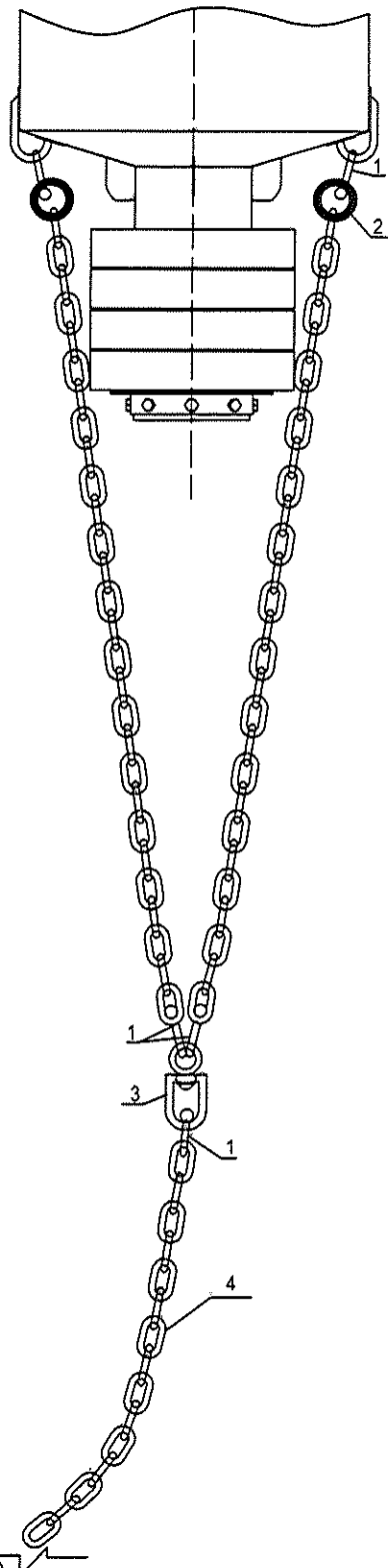
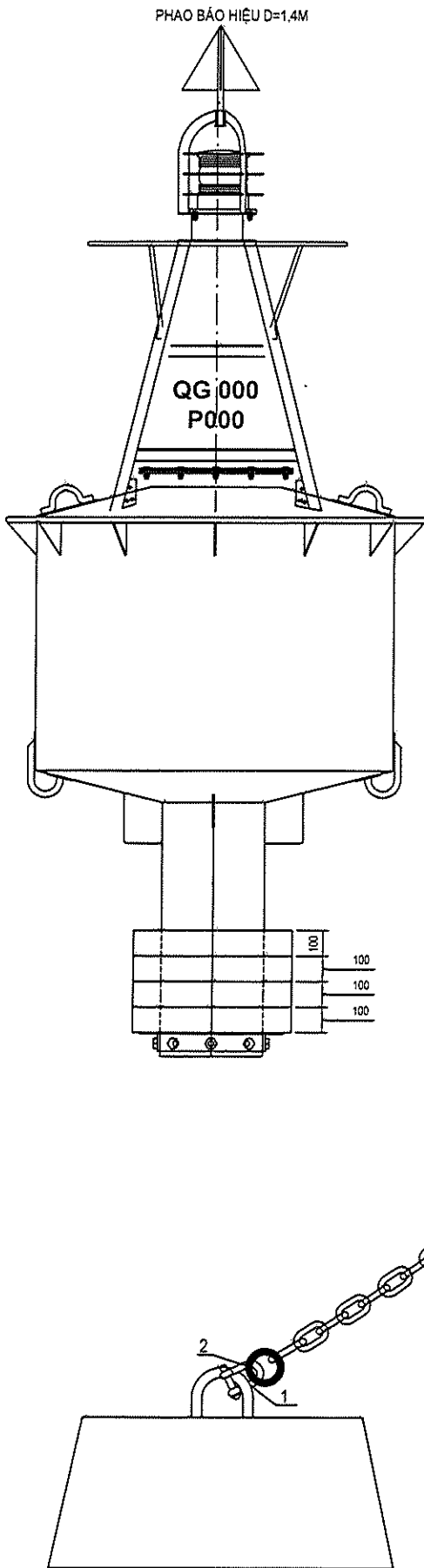
CẤU TẠO CHI TIẾT PHAO

Tỷ lệ: 1/10

Kí hiệu: PBH

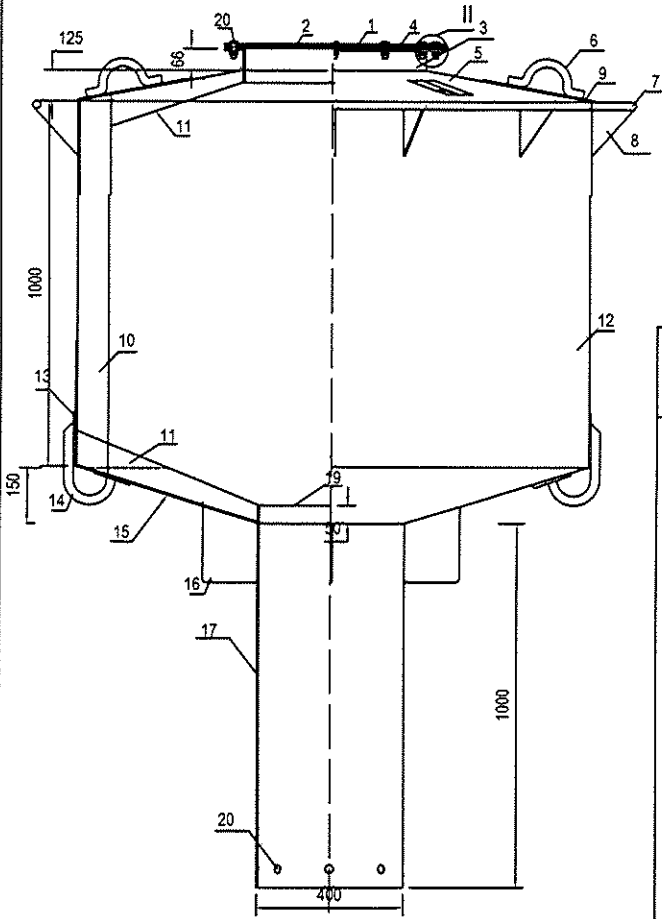
BVS:

SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI

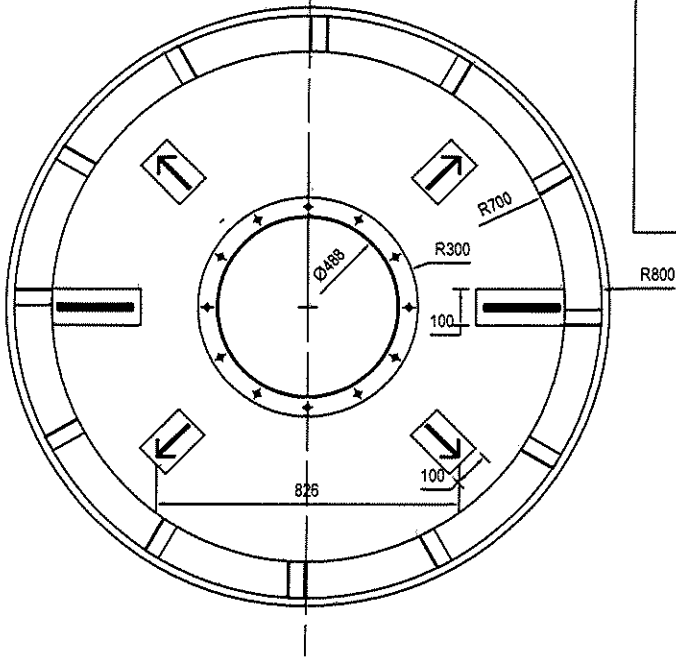


- CHÚ THÍCH**
(Cho một đường xích)
- 1 Ma ní
 - 2 Mắc may
 - 3 Con quay
 - 4 Xích
- Đơn vị tính: mm

THÂN PHAO



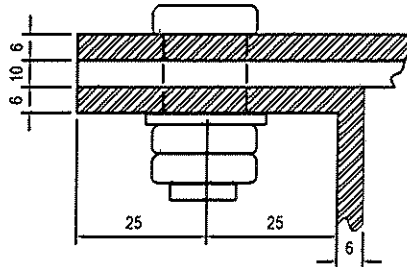
NẮP TRÊN PHAO



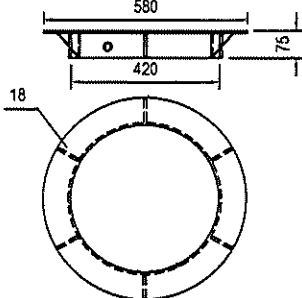
BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ
(Cho một thân phao)

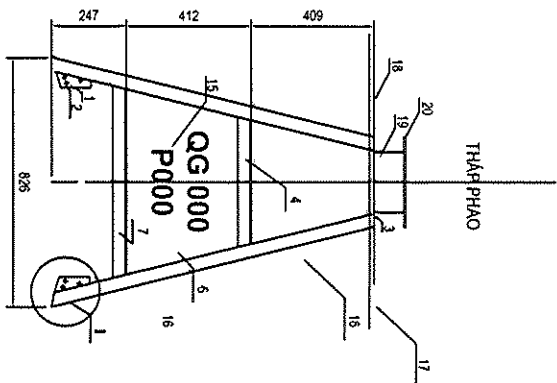
TÊN	CHI TIẾT	VẬT LIỆU	KÍCH THƯỚC (MM)			ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
			DÀI	RỘNG	DÀY			CHI TIẾT	TỔNG CỘNG
01 THÂN PHAO	1	Thép tấm tròn $\phi 600$			8	Tấm	1	17,74	17,74
	2	Goăng cao su $\phi 600$			8	Tấm	1		
	3	Thép tấm	1570	100	8	Tấm	1	9,86	9,86
	4	Thép tấm tròn $\phi 500-\phi 600$			8	Tấm	1	4,09	4,09
	5	Thép tấm tròn $\phi 1400$			6	Tấm	1		78,16
	6	Thép tròn $\phi 22$	500			Thanh	2	2,98	5,96
	7	Thép tròn $\phi 22$	5020			Thanh	1	14,95	14,95
	8	Thép tấm	150	100	6	Tấm	12	0,35	4,2
	9	Thép tấm	250	100	6	Tấm	4	4,71	4,71
	10	Thép tấm	900	100	6	Tấm	6	4,2	25,2
	11	Thép tấm	500	100	6	Tấm	6	0,4	2,4
	12	Thép tấm	4396	1000	6	Tấm	1	165,64	165,64
	13	Thép tấm	200	100	6	Tấm	2	0,94	1,88
	14	Thép tròn $\phi 26$	500			Thanh	2	2,98	5,96
	15	Thép tấm tròn $\phi 1400$			6	Tấm	1	78,16	78,16
	16	Thép tấm	200	150	8	Tấm	4	1,88	7,52
	17	Thép tấm	1256	1050	8	Tấm	1	82,82	82,82
	18	Vành thép tấm			6	Vành	1	10,65	10,65
	19	Thép tấm $\phi 400$			6	Tấm	1	4,9	4,9
	20	Bulông M14x40	40			bộ	12		
	21	Bulông M20x40	40			bộ	6		

CHI TIẾT II
tỷ lệ 1:5



VÀNH ĐÓ ĐỐI TRỌNG

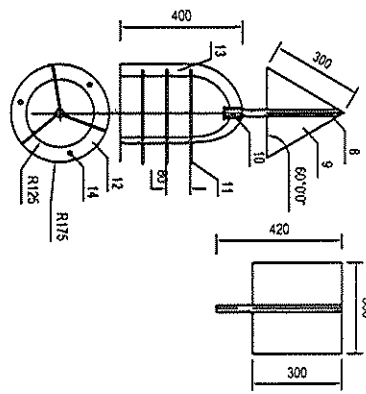




TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (01 THÁP PHẠO)

STT	HÀNG MỤC - QUÝ CÁCH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	CÁCH TÍNH
1	Mặt bích thép (tôn 8y)	kg	15,87	(160-10)Y2-160Z 856x12
2	Bulong M14x40	bộ	12	
3	Bích bê tông (tôn 8y)	kg	3,53	300-300x7 85x5
4	Thanh ngang (L50x50)	kg	4,52	300x3 77x4
5	Thanh đứng (50x50)	kg	22,62	1500x3 77x4
6	Thanh ngang (L50x50)	kg	8,4	458,3 77x4
7	Thanh ngang (L50x50)	kg	8,98	596,3 77x4
8	Tụ đầu thì (sắt tôn D22)	kg	1,25	420x2 98
9	Cảnh đầu thì (tôn 3y)	kg	4,23	300x300x7 85x7,3
10	Đóng bảo tụ đầu thì	kg	0,09	0,06x1 51
11	Sắt tôn bảo vệ đầu (10)	kg	1,8	339x3 14x0 617x3
12	Bích dầm lồng đèn (tôn 8y)	kg	1,87	(175x119,3 14)-(125x125,3 14)x 85x5
13	dầm đèn (tôn 3y)	kg	2,65	450x0 05x7 85x3
14	Bulong M12x40	bộ	3	
15	Tôn ghi biển số (tôn 3y)	kg	7,53	(350+450)x2-400x7 85x3x2
16	Sắt tôn D16	kg	2,96	314x1 58x4
17	Sắt tôn D16	kg	1,26	200x1 58x4
18	Sắt tôn D16	kg	3,47	3 14x700x1 58
19	Thép lằn tôn D300	kg	3,2	3 14x0 15x0 15x 7 85x6
20	Sắt tôn D16	kg	1,25	200x100x2x7 85x4

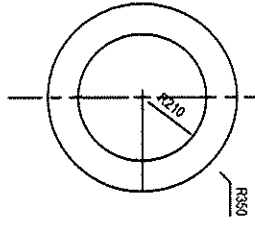
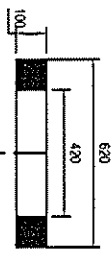
LỒNG ĐÈN TIÊU THỊ



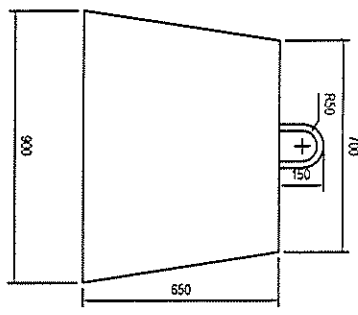
CHI TIẾT 1

Dự đoán theo bản phao

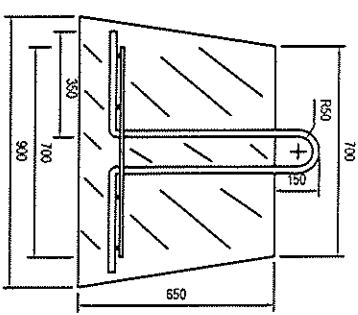
VÀNH ĐỒI TRONG GANG



RỬA 1000KG



CỘT THÉP RỬA 1000KG



ĐÌNH MỨC VẬT TƯ CHỈNH ĐÚC RỬA 1000KG

STT	HÀNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG 1 RỬA
1	Cốt thép	kg	15,1
2	Dây thép	kg	0,2
3	Xi măng	kg	120
4	Cốt văng	m ³	0,27
5	Đá rậm	m ³	0,47

Đơn vị tính: mm

ĐÌNH MỨC VẬT TƯ CHỈNH ĐÚC 04 VÀNH ĐỒI TRONG

STT	HÀNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG 4 VÀNH
1	Cốt thép	kg	5,93
2	Dây thép	kg	0,2
3	Xi măng	kg	47
4	Cốt văng	m ³	0,07
5	Đá rậm	m ³	0,13

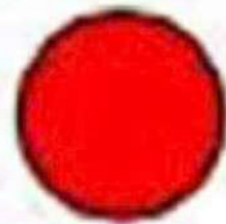
BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG SỬA CHỮA PHAO BẢO HIỆU
Luồng vào cảng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả

STT	Hạng mục	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Sửa chữa thay đuôi phao D=1,4m		phao	1,00	
	Đuôi phao thép tấm T8	1,5*3,14*0,3*7,85*8	kg	88,74	
	Mã gia cường T8	0,25*0,25*4*7,85*8	kg	15,70	
	Vành đỡ đôi trọng L75x75x7	3,14*0,34*7,96	kg	8,50	
	Chốt giữ đôi trọng thép tròn ϕ 30	0,7*5,55	kg	3,89	
	Cộng			116,83	
2	Hàn vá thân phao D=1,4m bọc thùng		phao	1,00	
	Hàn vá thân phao thép tấm d6	0,5*0,5*7,85*6	kg	11,78	

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phao tiêu báo hiệu luồng tàu

STT	Hạng mục	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng 01 Phao	Ghi chú
	Sửa chữa phao D=2,4m				
1	Sửa chữa giá đèn Phao D=2,4m (có bản vẽ đính kèm)	Luồng hàng hải phao D= 2,4 m	phao	535,23	
	Giá đèn				
	Mã chân giá đèn thép tấm d 8	0,35*0,35*8*7,85*8	kg	61,54	
	Thanh đứng thép L70x70x7	2,7*4*7,39	kg	58,32	
	Thanh đứng thép L70x70x7	0,47*4*7,39	kg	10,15	
	Thanh đứng thép L70x70x7	0,61*4*7,39	kg	13,18	
	Thanh đứng thép L70x70x7	0,82*4*7,39	kg	17,71	
	Thanh đứng thép L70x70x7	1,23*4*7,39	kg	26,57	
	Thanh giằng chéo thép L50x50x5	1,04*8*3,77	kg	44,93	
	Thanh giằng chéo thép L50x50x5	1,17*8*3,77	kg	50,54	
	Vành bảo vệ thép đèn tròn Φ24	3,14*1,4*3,55	kg	24,40	
	Cây chống thép tròn Φ24	0,67*4*3,55	kg	14,87	
	Bảng ghi số hiệu phao thép d5	$((0,61+0,49)/2)*0,58*7,85*5*4$	kg	50,08	
	Mã d 6	$(0,192*0,157*7,85*6)*4$	kg	5,68	
	Mã d 6	$(0,271*0,201*7,85*6)*4$	kg	10,26	
	Mã d 6	$(0,403*0,09*7,85*6)*8$	kg	13,67	
	Mã d 6	$(0,151*0,99*7,85*6)*8$	kg	56,33	
	Mã d 6	$(0,201*0,83*7,85*6)*8$	kg	62,86	
	Mặt giá đỡ đèn thép tấm d6	0,6*0,6*7,85*5	kg	14,13	
2	Sửa chữa hàn và phao				
	Sửa chữa nắp phao, cổ phao, lợi phao, gioăng cao su, bu lông nắp phao D=2,4m:	Luồng hàng hải phao D=2,4m	phao	1,00	
	Nắp phao thép tấm d5 (Φ600)	3,14*0,3*0,3*7,85*5*2	kg	22,18	
	Cổ phao thép tấm d5	3,14*0,6*0,15*7,85*5*2	kg	22,18	
	Lợi phao (D600, d500)	$((3,14*0,3*0,3)-(3,14*0,25*0,25))*7,85*5*2$	kg	6,78	
	Vành chống va phao thép tròn d30	3,14*2,0*5,55	kg	34,85	
	Mã đỡ thép tấm d 8	$(0,25*0,2)/2*20*7,85*8$	kg	27,48	
	Gioăng cao su d10 (Φ600)	F600 dây 10mm	cái	2,00	
	Bu lông M14x50 nắp phao	M14x50	bộ	24,00	
3	Thay xích và phụ kiện phao	Luồng hàng hải phao D=2,4m	bộ	1,00	
	Xích quai phao Φ38		m	6,00	
	Ma ní thường Φ42		cái	4,00	



ĐƯỢC PHÉP NEO ĐÀU

